

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,238,545,345,006	2,289,382,509,434
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	01	1,958,064,548,124	829,459,259,294
1. Tiền	111		286,954,573,937	215,149,047,387
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,671,109,974,187	614,310,211,907
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39,479,723,350	237,482,984,125
1. Đầu tư ngắn hạn	121	02	48,576,276,394	274,454,915,888
2. Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(9,096,553,044)	(36,971,931,763)
III. Các khoản phải thu	130		884,534,262,177	882,114,197,701
1. Phải thu của khách hàng	131	03	191,901,367,986	180,529,903,420
2. Trả trước cho người bán	132	04	97,983,195,894	196,058,013,223
3. Các khoản phải thu khác	135	05	597,936,827,790	507,157,423,689
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3,287,129,493)	(1,631,142,631)
IV. Hàng tồn kho	140		305,373,178,204	316,605,949,009
1. Hàng tồn kho	141	06	315,586,980,428	323,945,751,898
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(10,213,802,224)	(7,339,802,889)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51,093,633,151	23,720,119,305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22,906,238,101	17,310,449,270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,565,718,051	73,411,292
3. Các khoản thuế phải thu	154		17,112,666,930	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,509,010,069	6,336,258,743

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,146,316,801,538	3,225,321,952,576
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		266,868,000	299,618,517
1. Phải thu dài hạn khác	218		266,868,000	299,618,517
II. Tài sản cố định	220		1,417,310,360,530	1,451,929,592,575
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	915,834,539,197	941,976,539,062
- Nguyên giá	222		1,751,012,613,629	1,689,567,812,006
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(835,178,074,432)	(747,591,272,944)
2. Tài sản cố định vô hình	227	08	380,620,465,968	412,023,311,045
- Nguyên giá	228		493,391,385,285	492,810,355,420
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(112,770,919,317)	(80,787,044,375)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	09	120,855,355,365	97,929,742,468
III. Bất động sản đầu tư	240		21,444,908,571	24,018,297,599
- Nguyên giá	241		34,524,970,816	34,524,970,816
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(13,080,062,245)	(10,506,673,217)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,594,366,081,121	1,621,020,951,305
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	1,257,100,000,000	1,256,100,000,000
2. Lợi thế thương mại	269		325,592,304,678	349,920,951,305
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	15,000,000,000	15,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(3,326,223,557)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		112,928,583,315	128,053,492,580
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		72,554,474,738	79,707,784,012
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		40,091,193,577	47,795,925,568
3. Tài sản dài hạn khác	268		282,915,000	549,783,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6,384,862,146,544	5,514,704,462,010

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		1,485,700,114,151	1,469,330,630,943
I. Nợ ngắn hạn	310		1,262,971,604,020	1,353,059,965,053
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	400,553,757,754	529,559,033,303
2. Phải trả cho người bán	312	13	275,222,902,131	274,618,256,546
3. Người mua trả tiền trước	313	14	34,068,698,824	37,628,753,830
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	68,892,045,200	102,723,109,885
5. Phải trả công nhân viên	315		58,064,546,535	61,215,290,368
6. Chi phí phải trả	316	16	243,440,101,264	181,636,672,869
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	129,636,512,956	121,494,113,721
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	168,408,951,522	52,633,096,500
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +420)	400		4,896,363,802,743	4,010,273,661,046
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	4,896,363,802,743	4,010,273,661,046
1. Vốn cổ phần	411		1,676,282,700,000	1,599,216,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,344,308,719,177	2,189,781,329,788
3. Cổ phiếu quỹ	414		(152,626,203,900)	(655,246,276,814)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,370,280,515	25,370,280,515
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		25,792,635,752	25,792,635,752
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		15,909,752,661	15,909,752,661
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		961,325,918,538	809,449,689,144
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2,798,229,650	35,100,170,021
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,384,862,146,544	5,514,704,462,010

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:				
- USD			1,364,979	2,041,170
- EURO			103	102
- RMB				-

Người lập

Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Oanh

Ngày 14 tháng 02 năm 2014
Tổng Giám Đốc

Trần Lê Nguyên



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 4/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1,192,787,462,169	1,076,234,973,856	4,687,150,831,509	4,311,914,226,281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		63,287,249,444	8,158,513,344	124,291,483,177	26,116,782,870
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1,129,500,212,725	1,068,076,460,512	4,562,859,348,332	4,285,797,443,411
4. Giá vốn hàng bán	11		697,513,189,665	631,947,254,572	2,587,876,570,009	2,416,751,839,765
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		431,987,023,060	436,129,205,940	1,974,982,778,324	1,869,045,603,646
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	23,179,642,438	3,514,706,021	109,995,024,236	133,281,778,819
7. Chi phí tài chính	22	22	26,108,848,161	18,833,796,313	73,417,562,760	190,339,813,268
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		13,460,375,371	14,880,152,697	49,817,337,421	94,369,615,032
8. Chi phí bán hàng	24		184,973,143,023	237,412,036,971	983,885,078,601	958,733,196,493
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		134,519,745,741	93,137,620,662	400,688,616,994	343,004,410,348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		109,564,928,573	90,260,458,015	626,986,544,205	510,249,962,356
11. Thu nhập khác	31	23	14,934,710,887	5,053,237,086	28,876,072,559	20,132,906,361
12. Chi phí khác	32	24	16,926,822,270	12,750,328,906	43,477,124,829	40,454,914,532
13. Lợi nhuận khác	40		(1,992,111,383)	(7,697,091,820)	(14,601,052,270)	(20,322,008,171)
14. (Lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		107,572,817,190	82,563,366,195	612,385,491,935	489,927,954,185
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	3,430,979,864	40,714,621,809	101,709,604,510	131,641,468,329
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8,808,992,814	(4,424,937,382)	9,692,331,376	856,794,455
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		95,332,844,511	46,273,681,768	500,983,556,049	357,429,691,401
Phân bổ cho:				-		
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		227,959,672	(467,190,007)	(1,149,141,864)	3,485,288,065
Cổ đông của công ty mẹ	62		95,104,884,840	46,740,871,775	502,132,697,913	353,944,403,336

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Ngày 14 tháng 02 năm 2014

Tổn Giám Đốc



Trần Lê Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		612,385,491,935	489,927,954,185
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		231,517,657,781	215,148,557,479
- Các khoản dự phòng	03		(20,019,168,965)	11,013,981,270
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2,830,687,819	(2,781,973,065)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(97,800,249,838)	(51,459,916,808)
- Chi phí lãi vay	06		49,817,337,421	94,369,615,032
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	-	778,731,756,153	756,218,218,093
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09		54,733,916,516	64,968,349,554
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		8,358,771,470	75,709,579,408
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		57,122,644,213	(94,402,339,724)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		1,557,520,443	24,994,132,139
- Tiền lãi vay đã trả	13		(49,710,551,459)	(96,483,378,327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(159,861,410,439)	(77,403,326,392)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,065,171,834	(3,253,040,813)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(17,710,233,131)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	674,287,585,600	650,348,193,938
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(165,102,802,221)	(222,818,458,228)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7,167,957,959	7,788,090,788
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,410,000,000,000)	(2,773,200,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,591,919,036,288	2,851,929,343,712
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,000,000,000)	(258,883,483,745)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		45,528,823,600	111,288,125,542
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23,141,603,399	30,504,845,950

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT □

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	-	91,654,619,025	(253,391,535,981)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		696,887,189,600	693,153,676,333
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số			-	200,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(501,376,498,414)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,611,456,354,620	2,102,838,534,453
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,627,935,719,647)	(2,517,380,411,634)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(318,216,633,739)	(315,253,138,377)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		362,191,190,834	(537,817,837,639)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,128,133,395,459	(140,861,179,682)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		829,459,259,294	967,330,130,617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		471,893,371	2,990,308,359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1,958,064,548,124	829,459,259,294

Người lập

 Trần Minh Nuyet

Kế Toán Trưởng

 Nguyễn Thị Oanh

Ngày 17 tháng 02 năm 2014
 Tổng Giám Đốc

 Trần Lê Nguyên



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý IV năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Kinh Đô (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

GCNĐKKD điều chỉnh: Ngày:

Số 4103001184

Điều chỉnh lần thứ nhất 26 tháng 11 năm 2002

Điều chỉnh lần thứ hai 22 tháng 9 năm 2003

Điều chỉnh lần thứ ba 11 tháng 12 năm 2003

Điều chỉnh lần thứ tư 3 tháng 8 năm 2004

Điều chỉnh lần thứ năm 7 tháng 10 năm 2004

Điều chỉnh lần thứ sáu 11 tháng 5 năm 2005

Điều chỉnh lần thứ bảy 18 tháng 5 năm 2006

Điều chỉnh lần thứ tám 6 tháng 7 năm 2006

Điều chỉnh lần thứ chín 6 tháng 11 năm 2007

Điều chỉnh lần thứ mười 10 tháng 10 năm 2008

Số 0302705302

Điều chỉnh lần thứ mười : 21 tháng 1 năm 2010

Điều chỉnh lần thứ mười : 1 tháng 11 năm 2010

Điều chỉnh lần thứ mười : 26 tháng 03 năm 2011

Điều chỉnh lần thứ mười : 02 tháng 03 năm 2012

Điều chỉnh lần thứ mười : 23 tháng 11 năm 2012

Điều chỉnh lần thứ mười : 21 tháng 3 năm 2013

Điều chỉnh lần thứ mười : 2 tháng 4 năm 2013

Điều chỉnh lần thứ mười : 18 tháng 11 năm 2013

KDC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của KDC là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 138-142 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Cơ cấu tổ chức

Các công ty con

· Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương (“KDBD”)

KDC sở hữu 99.8% vốn cổ phần trong KDBD, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 4603000129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004.

Hoạt động chính của KDBD là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

· Công ty Cổ phần Vinabico (“Vinabico”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong Vinabico, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003.

Hoạt động chính của Vinabico là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo và sản xuất nước uống tinh khiết.

Vinabico có trụ sở và nhà máy đăng ký tại 436 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty TNHH MTV KIDO (“KIDO”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong KIDO, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của KIDO là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống như kem ăn, sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc (“NKD”)

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong NKD, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 139/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19 tháng 8 năm 1999 và GCNĐKKD số 0503000001 và số 0900178525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên lần lượt cấp ngày 28 tháng 1 năm 2000 và ngày 25 tháng 1 năm 2011.

Hoạt động chính của NKD là sản xuất và chế biến các loại thực phẩm, bao gồm các loại bánh thượng hạng, kinh doanh thực phẩm, các loại đồ uống, rượu và thuốc lá tại Việt Nam, và cho thuê nhà xưởng.

NKD có trụ sở chính đăng ký tại Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một chi nhánh tại số 200 Thái Hà, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty liên kết

· Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 49% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

· Công ty Cổ phần Bất động sản Thành Thái (“TTR”)

KDC sở hữu 30% vốn điều lệ trong TTR, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310442801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính của TTR là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TTR có trụ sở đăng ký tại số 332 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên doanh đồng kiểm soát

· Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 7, Tòa nhà Sunwah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nhiên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc
Máy móc thiết bị
Phương tiện vận chuyển
Thiết bị văn phòng
Quyền sử dụng đất
Thương hiệu
Phần mềm máy tính
Lợi thế quyền thuê đất

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn không giao dịch trên thị trường thì căn cứ vào số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty phát hành các chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính cùng kỳ.

Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên Báo cáo kết quả

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

Những thông tin bổ sung

01- Tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	1,902,172,564	1,459,782,477
- Tiền gửi ngân hàng	284,310,221,399	211,785,272,910
- Tiền đang chuyển	852,154,161	1,903,992,000
- Các khoản tương đương tiền	1,671,000,000,000	614,310,211,907
Tổng cộng	1,958,064,548,124	829,459,259,294

02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	4,876,276,394	48,835,879,600
Chứng khoán đã niêm yết:	1,026,276,394	32,741,487,000
Chứng khoán chưa niêm yết	3,500,000,000	15,996,392,600
Trái phiếu doanh nghiệp	350,000,000	98,000,000
- Đầu tư ngắn hạn khác	43,700,000,000	225,619,036,288
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(9,096,553,044)	(36,971,931,763)
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(1,096,553,044)	(24,471,931,763)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	(8,000,000,000)	(12,500,000,000)
Tổng cộng	39,479,723,350	237,482,984,125

	31 tháng 12 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		3,681,723,350		24,265,947,837
Chứng khoán kinh doanh		4,778,276,394		48,737,879,600
<i>Trong đó</i>				
Cổ phiếu niêm yết		1,278,276,394		32,741,487,000
Quỹ Cân bằng Prudential	-	-	1,040,000	10,860,118,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	-	-	455,281	15,885,188,911
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	27,412	1,021,814,918	27,412	1,021,814,918
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	18,144	252,000,000	91,044	1,458,264,693
Các cổ phiếu khác	-	4,461,476	-	3,516,100,478

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT □

	31 tháng 12 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu chưa niêm yết		3,500,000,000		15,996,392,600
Tập đoàn Bảo hiểm Viễn Đông	-	-	23,752	12,496,392,600
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	50,000	3,500,000,000	50,000	3,500,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		(1,096,553,045)		(24,471,931,763)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn khác		35,798,000,000		213,119,036,288
Các khoản đầu tư ngắn hạn		43,700,000,000		225,717,036,288
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn		98,000,000		98,000,000
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác		(8,000,000,000)		(12,500,000,000)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn		39,479,723,350		237,482,984,125
03- Phải thu khách hàng		Cuối kỳ		Đầu năm
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu các bên liên quan		26,479,518,641		51,543,851,651
Phải thu các bên thứ ba		165,421,849,345		128,986,051,769
Tổng cộng		191,901,367,986		180,529,903,420
04- Trả trước cho người bán		Cuối kỳ		Đầu năm
<i>Trong đó:</i>				
Trả trước cho các bên liên quan		13,950,621,542		27,929,026,963
Trả trước cho các bên thứ ba		84,032,574,352		168,128,986,260
Tổng cộng		97,983,195,894		196,058,013,223
05- Các khoản phải thu khác		Cuối kỳ		Đầu năm
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu các bên liên quan		402,053,142,874		344,901,764,350
Phải thu khác		195,883,684,916		162,255,659,339
Tổng cộng		597,936,827,790		507,157,423,689

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT □

06- Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	8,974,740,396	10,239,873,840
- Nguyên liệu, vật liệu	183,623,289,779	184,979,783,982
- Công cụ, dụng cụ	37,506,961,237	28,842,914,533
- Chi phí SX, KD dở dang	785,259,112	3,327,274,866
- Thành phẩm	24,853,266,288	93,969,539,629
- Hàng hóa	59,843,463,616	2,586,365,048
Cộng giá gốc hàng tồn kho	315,586,980,428	323,945,751,898
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10,213,802,224)	(7,339,802,889)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	305,373,178,204	316,605,949,009

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT □

07- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá	[1]	[2]	[3]	[4]	
Dư đầu	391,412,863,319	1,091,707,291,181	133,612,141,888	72,835,515,618	1,689,567,812,006
Tăng trong kỳ	20,928,018,534	98,092,726,365	9,103,941,847	13,739,101,257	141,863,788,004
<i>Trong đó</i>					-
Mua mới	3,987,496,106	41,483,937,683	5,456,680,072	11,869,934,582	62,798,048,443
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	178,242,545	-	-	178,242,545
Chuyển từ XDCB dở dang	16,940,522,428	56,430,546,137	3,647,261,775	1,779,780,675	78,798,111,016
Phân loại lại tài sản	-	-	-	89,386,000	89,386,000
Giảm trong kỳ	(838,147,947)	(52,124,616,565)	(12,480,658,678)	(14,975,563,191)	(80,418,986,381)
<i>Trong đó:</i>					-
Bán, thanh lý, giảm khác	(838,147,947)	(52,124,616,565)	(12,480,658,678)	(14,975,563,191)	(80,418,986,381)
Dư cuối	406,801,644,599	1,128,439,612,957	135,137,041,064	66,065,480,858	1,751,012,613,629
Khấu hao lũy kế:					
Dư đầu kỳ	92,033,184,946	547,364,507,782	56,182,891,435	52,010,688,781	747,591,272,944
Khấu hao trong kỳ	23,851,633,356	104,124,148,362	15,539,934,597	8,071,472,611	151,587,188,925
Giảm - bán, thanh lý	(614,659,356)	(44,656,641,470)	(7,258,001,688)	(11,471,084,924)	(64,000,387,438)
Dư cuối kỳ	109,173,053,807	581,658,659,801	63,548,685,131	48,068,962,815	835,178,074,431
Giá trị còn lại					
Dư đầu kỳ	299,379,678,373	544,342,783,399	77,429,250,453	20,824,826,837	941,976,539,062
Dư cuối kỳ	297,628,590,792	546,780,953,156	71,588,355,933	17,996,518,043	915,834,539,197

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**08- TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	
Dư đầu kỳ	16,591,966,348	63,275,181,766	75,063,792,011	55,268,061,157	277,615,077,188	4,996,276,950	492,810,355,420
Tăng trong kỳ:	-	349,200,000	231,829,865	-	-	-	581,029,865
<i>Trong đó:</i>							-
Mua mới	-	349,200,000	231,829,865	-	-	-	581,029,865
Dư cuối kỳ	16,591,966,348	63,624,381,766	75,295,621,876	55,268,061,157	277,615,077,188	4,996,276,950	493,391,385,285
							-
Khấu hao lũy kế							-
Dư đầu kỳ	3,318,393,116	7,657,443,969	26,572,192,443	5,130,627,365	34,701,884,648	3,406,502,834	80,787,044,375
Khấu hao trong kỳ	1,659,196,942	2,034,180,351	8,058,853,448	2,356,043,063	17,350,942,326	524,658,812	31,983,874,942
Dư cuối kỳ	4,562,790,823	9,000,686,124	32,626,452,986	6,897,659,662	47,715,091,393	3,818,723,697	112,770,919,317
							-
Giá trị còn lại							-
Dư đầu kỳ	13,273,573,232	55,617,737,797	48,491,599,568	50,137,433,792	242,913,192,540	1,589,774,116	412,023,311,045
Dư cuối kỳ	12,029,175,525	54,623,695,642	42,669,168,890	48,370,401,495	229,899,985,795	1,177,553,253	380,620,465,968
							-

09- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng nhà máy mới						10,586,209	5,510,118,012
Lắp đặt máy móc						120,770,769,156	83,046,025,998
Phát triển phần mềm						-	3,581,574,577
Khác						74,000,000	5,792,023,881
Tổng cộng						120,855,355,365	97,929,742,468

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**10- Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát**

	31 tháng 12 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Lavenue	1,050,000,000,000	50	1,050,000,000,000	50
Công ty TNHH Tân An Phước	205,300,000,000	49	204,300,000,000	49
Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Thành Thái	1,800,000,000	30	1,800,000,000	30
Tổng Cộng	1,257,100,000,000		1,256,100,000,000	

-

11- Đầu tư dài hạn

	31 tháng 12 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán	150	15,000,000,000	150	15,000,000,000
<i>Trong đó</i>				
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Công ty Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	150	15,000,000,000	150	15,000,000,000
Tổng cộng:		15,000,000,000		15,000,000,000

12- Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngắn hạn	255,722,512,286	529,559,033,303
Nợ dài hạn đến hạn trả	144,831,245,468	
Tổng Cộng	400,553,757,754	529,559,033,303
	-	

Ngân hàng	31 tháng 12 năm 2013	Kỳ hạn vay	Lãi suất %/năm	Khoản đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Hồng Kong- Thương Hải Việt Nam ("HSBC	35,566,234,311	90 ngày kể từ ngày rút vốn	6.5%-7.7%	Tín chấp
Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam("VIB")	13,583,806,146	180 ngày kể từ ngày rút vốn	6.50%	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered ("SCB")	1,438,803,740	90 ngày kể từ ngày rút vốn	6.28%-6.5%	Thế chấp máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội ("MB")	30,542,930,599	150 ngày kể từ ngày rút vốn	6%	Tín chấp
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ("VCB"	74,972,459,945	180 ngày kể từ ngày rút vốn	6.40%	Thế chấp máy móc thiết bị
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	99,618,277,545	150 ngày kể từ ngày rút vốn	6.50%	Tín chấp
Tổng cộng	255,722,512,286			

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13- Phải trả người bán	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả bên thứ ba	256,704,176,624	257,155,299,694
Phải trả bên liên quan	18,518,725,507	17,462,956,852
Tổng cộng	275,222,902,131	274,618,256,546

14- Người mua trả tiền trước	Cuối kỳ	Đầu năm
Bên thứ ba trả trước	33,963,846,571	37,523,901,577
Bên liên quan trả trước	104,852,253	104,852,253
Tổng cộng	34,068,698,824	37,628,753,830

15- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT phải trả	18,058,028,603	17,798,220,570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48,525,239,204	79,116,759,336
Thuế thu nhập cá nhân	2,615,739,071	4,233,648,849
Thuế xuất nhập khẩu	(603,259,718)	480,358,799
Thuế đất thuê	289,179,456	319,797,456
Thuế khác	7,118,582	774,324,875
Tổng cộng	68,892,045,199	102,723,109,885

16- Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí Marketing phải trả	61,752,691,243	69,694,923,489
Thuế chuyển quyền sử dụng đất phải trả	34,594,000,000	34,594,000,000
Lương tháng 13 và thưởng	63,142,009,751	21,147,939,400
Phí vận chuyển	14,350,962,827	13,560,403,738
Hoa hồng bán hàng	23,136,753,604	26,425,323,237
Phí bản quyền	3,227,841,000	3,274,139,000
Chi phí lãi vay	3,086,465,868	2,979,679,906
Chi phí tiện ích	5,786,391,054	3,278,987,013
Chi phí khác	34,362,985,916	6,681,277,086
Tổng cộng	243,440,101,264	181,636,672,869

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**17- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	100,000,000,000	100,000,000,000
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	666,741,086	1,811,992,728
Kinh phí công đoàn	1,655,923,519	2,466,048,047
Nhận kỹ quỹ, ký cược	2,769,994,765	2,987,218,796
Cổ tức phải trả	2,435,013,268	1,364,047,360
Doanh thu chưa thực hiện	2,947,932,000	2,947,932,000
Phải trả khác	19,160,908,317	9,916,874,790
Tổng cộng	129,636,512,956	121,494,113,721

18 - Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	313,240,196,990	52,633,096,500
Trừ		
Vay dài hạn đến hạn trả	144,831,245,468	-
Vay dài hạn	168,408,951,522	52,633,096,500

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	31 tháng 12 năm 2013	Kỳ hạn vay	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
SCB - Đô la Mỹ	171,245,454,508	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, là ngày 27/03/2013	4.46%	
- Trong đó vay dài hạn đến hạn trả	76,109,090,984			
SCB - VND		1.076 ngày kể từ ngày rút vốn đầu tiên, là ngày 27 tháng 03 năm 2013	7%	Máy móc và thiết bị
- Trong đó vay dài hạn đến hạn trả	40,909,090,910 18,181,818,180			
UOB - USD	101,085,651,572	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, là ngày 08/11/2012	5%	Dây chuyền sản xuất bánh
- Trong đó vay dài hạn đến hạn trả	50,540,336,304			
Tổng cộng:	313,240,196,990			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả:	144,831,245,468			
Vay dài hạn	168,408,951,522			

19 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

KHOẢN MỤC	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng
Năm trước:									
Số dư đầu kì trước	1,195,178,810,000	1,950,665,093,455	(153,869,778,400)	779,434,568,252	(891,411,434)	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	3,837,589,950,801
Phát hành CP mới	140,000,000,000	503,153,676,333							643,153,676,333
Phát hành CP thường	264,037,440,000	(264,037,440,000)							-
Mua cổ phiếu quỹ			(501,376,498,414)						(501,376,498,414)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái					891,411,434				891,411,434
Lợi nhuận thuần trong năm				353,944,403,336					353,944,403,336
Cổ tức đã trả				(311,455,718,925)					(311,455,718,925)
Trích lập quỹ				(6,728,181,334)					(6,728,181,334)
Thù lao hội đồng quản trị				(5,745,382,185)					(5,745,382,185)
Giảm khác									-
Số dư cuối kì	1,599,216,250,000	2,189,781,329,788	(655,246,276,814)	809,449,689,144	-	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,010,273,661,046
Năm nay									
Số dư đầu kì	1,599,216,250,000	2,189,781,329,788	(655,246,276,814)	809,449,689,144	-	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,010,273,661,046
Tăng vốn	-	82,210,830,890	-	-	-	-	-	-	82,210,830,890
Phát hành CP thường	66,010,000,000	31,686,000,000	-	-	-	-	-	-	97,696,000,000
Phát hành CP mới cho việc hợp nhất KD	11,056,450,000	40,630,558,500	-	-	-	-	-	-	51,687,008,500
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	502,132,697,913	-	-	-	-	502,132,697,913
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	502,620,072,914	-	-	-	-	-	502,620,072,914
Tăng khác	-	-	-	7,599,081,128	-	-	-	-	7,599,081,128
Cổ tức đã trả	-	-	-	(319,287,599,647)	-	-	-	-	(319,287,599,647)
Trích lập quỹ	-	-	-	(31,539,000,000)	-	-	-	-	(31,539,000,000)
Thù lao hội đồng quάρ	-	-	-	(7,028,950,000)	-	-	-	-	(7,028,950,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kì	1,676,282,700,000	2,344,308,719,177	(152,626,203,900)	961,325,918,538	-	25,370,280,515	25,792,635,752	15,909,752,661	4,896,363,802,743

Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương bán 13.043.112 cổ phiếu KDC, ghi nhận giảm cổ phiếu quỹ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

20- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thành phẩm đã bán	1,048,228,183,769	997,531,679,846
- Doanh thu hàng hóa đã bán	144,559,278,400	78,703,294,010
- Doanh thu khác		
Cộng	1,192,787,462,169	1,076,234,973,856
Trừ	(63,287,249,444)	(8,158,513,344)
- Hàng bán bị trả lại:	(32,726,766,397)	(8,158,513,344)
- Chiết khấu thương mại	(30,560,483,047)	
Doanh thu thuần:	1,129,500,212,725	1,068,076,460,512
		-
21- Doanh thu hoạt động tài chính	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23,712,747,853	18,571,915,750
- Doanh thu hoạt động chứng khoán	29,030,400	(17,111,705,425)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(51,309,931)	962,438,704
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(972,251,884)	52,722,938
- Cổ tức lợi nhuận được chia	104,000	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	461,322,000	1,039,334,054
Cộng	23,179,642,438	3,514,706,021
22- Chi phí tài chính	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Lãi tiền vay	13,460,375,371	14,880,152,697
- Chi phí hoạt động chứng khoán	(1,576,620)	1,849,617,580
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	725,069,692	(2,202,328,087)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,311,009,052	221,954,511
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài h	3,837,403,107	801,840,480
- Chi phí tài chính khác	6,776,567,559	3,282,559,132
Cộng	26,108,848,161	18,833,796,313
23- Thu nhập khác	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Thu từ bán phế liệu	3,406,639,713	3,025,815,236
- Thanh lý tài sản	6,226,220,643	3,154,036,566
- Thu nhập khác	5,301,850,531	(1,126,614,716)
Cộng	14,934,710,887	5,053,237,086

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

24- Chi phí khác	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
- Từ bán phế liệu	2,210,019,775	2,965,298,931
- Thanh lý tài sản	4,868,039,263	3,362,558,051
- Chi phí khác	9,848,763,232	6,422,471,924
Cộng	<u><u>16,926,822,270</u></u>	<u><u>12,750,328,906</u></u>

25- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3,430,979,864	40,714,621,809
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	8,808,992,814	(4,424,937,382)

25- Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong kỳ bao gồm:

VND			
<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2013)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu hồi khoản cho vay	852,419,036,288
		Cho vay ngắn hạn	680,000,000,000
		Phí bản quyền thương hiệu	5,724,393,400
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, hàng hóa	3,526,827,724
		Bán nguyên vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	269,759,334
		Mua thành phẩm	81,789,091
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	24,505,748,693
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1,368,500,000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2013)</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	26,452,049,604
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	4,297,916
Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	Công ty liên quan	Bán thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	23,171,121
Cộng			26,479,518,641

Phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2013)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Phải thu khác	382,298,432,560
		Chi hộ	13,991,058,698
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty liên quan	Lãi vay	5,429,375,000
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Chi trả hộ	303,421,616
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Chi trả hộ	30,855,000

Cộng**402,053,142,874*****Phải trả nhà cung cấp***

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2013)</i>
Công ty TNHH Tong Yuan	Công ty liên quan	Mua bao bì	16,819,913,478
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Thu hộ	1,071,225,527
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	627,586,502

Cộng**- 18,518,725,507*****Ứng trước cho nhà cung cấp***

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2013)</i>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Công ty liên quan	Tạm ứng phí bản quyền	13,950,621,542

Cộng**13,950,621,542*****Phải trả khác***

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị (Quý IV/2013)</i>
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty liên quan	Hợp đồng hợp tác	
		kinh doanh	100,000,000,000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Thu hộ	51,498,000

Cộng**100,051,498,000**

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người lập	Kế Toán Trưởng	Ngày 14 tháng 02 năm 2014
		
Trần Minh Nguyệt	Nguyễn Thị Oanh	Tổng Giám Đốc Trần Lệ Nguyên

